TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----***---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2024/HSST
Ngày: 13/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Minh Đăng
Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Vĩ
2. Ông Dương Văn Xuyên
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Hà – Thư ký TAND huyện Sóc Sơn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: Ông Thiều Văn Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 132/2024/HSST ngày 22 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lương Văn T, sinh năm 2001, tại Hà Nội; Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Thôn Xuân Đồng, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; con ông Lương Văn Th, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; vợ Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 2001, có 01 con sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. (có mặt)

Bị hại: Nguyễn Văn Kh, sinh năm 2003. Nơi thường trú: Thôn Q, xã Quế T, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Nơi tạm trú: số 36C, ngách 16, ngõ 79, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Trịnh Văn Sáng, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Xóm 5, thôn Đ, xã Tiên D, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

2. Nguyễn Hữu D, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn M, xã Mai Đ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ khoảng tháng 10/2023 đến tháng 01/2024, Lương Văn T thuê 01 chiếc xe mô tô Honda Airblade BKS 99E1 – 644.34 của anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 2003, trú tại số 36C, ngõ 79, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Trong thời gian thuê xe, anh Kh có chụp ảnh giấy đăng ký xe máy gửi cho T để sử dụng đi đường. Ngày 24/1/2024, Tuấn đã cầm cố chiếc xe thuê của anh Kh cho Trịnh Văn S, sinh năm 1988, trú tại xóm 5, thôn Đồng Chầm, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn được số tiền 10.000.000đ và đã sử dụng hết. Sau đó T đã chuộc lại xe trả cho anh Kh.

Do cần tiền tiêu sài và biết việc cầm cố xe không có giấy tờ gốc thì sẽ được số tiền ít hơn, nên vào cuối tháng 01/2024, Tuấn gửi bản ảnh giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Honda Airblade BKS 99E1 – 644.34 của anh Nguyễn Văn Kh cho một tài khoản Facebook trên mạng xã hội thuê làm giả được giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Ngày 09/2/2024, T đến gặp anh Kh thỏa thuận thuê xe mô tô Honda Airblade BKS 99E1 – 644.34 trong thời hạn 04 ngày, với giá 250.000đ/ ngày. Ngày 14/2/2024, T\ cầm cố chiếc xe Honda Wave của T cho Trịnh Văn S được 10.000.000đ, đồng thời Tuấn đưa trước giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả của Kh cho anh S và hẹn ngày 15/2/2024 mang chiếc xe Honda Airblade BKS 99E1 – 644.34 đến để cầm cố.

Ngày 15/2/2024, T cùng vợ là Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 2001, trú tại thôn Xuân Đồng, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn đến gặp anh Kh tại ngõ 79, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội để lấy chiếc xe mô tô Honda Airblade BKS 99E1 – 644.34. Sau khi thuê được xe, T mang xe đến gặp anh S nói chiếc xe trên T mua lại của bạn nhưng chưa sang tên. Anh S thấy biển kiểm soát, đặc điểm xe mô tô phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nên đã đồng ý cho T cầm cố chiếc xe trên với giá 20.000.000đ và đã chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng MBbank số

086.893.7999 của Sáng đến tài khoản Ngân hàng BIDV số 1211.00006.81479 của Nguyễn Thị Kiều D.

Đến thời hạn trả xe, do T không có tiền chuộc xe nên đã nhiều lần nói dối anh Kh để ra hạn thuê xe. Sau đó, anh Kh liên tục gọi điện để đòi xe nên T đã thừa nhận cầm cố chiếc xe mô tô và không có khả năng trả xe cho anh Kh. Đồng thời Tuấn bảo anh Kh cho Tuấn vay số tiền 35.000.000đ để thuê xe ô tô của người khác rồi cầm cố lấy tiền về chuộc lại xe cho Kh và cho Khi 1.500.000đ, Kh đồng ý và chuyển số tiền 33.500.000 qua tài khoản Ngân hàng TMCP Việt Nam số 3031998303 của anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1998, trú tại thôn Xuân Đồng, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Sau đó, anh H rút tiền đưa cho T. Sau khi vay được tiền, thông qua quan hệ bạn bè T thuê chiếc xe ô tô MG5 BKS 30L – 240.97 của anh Thái Việt Đ, sinh năm 1995, trú tại Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, thời hạn thuê 05 ngày từ ngày 11/3/2024 đến ngày 16/3/2024, giá thuê 800.000đ/ ngày và đã đặt cọc số tiền 30.000.000đ cho anh Đ. Sau khi thuê được xe, T cùng Kh mang xe đi cầm cố nhưng không được. Sau đó, T gọi hỏi anh c về việc cho gửi chiếc xe ô tô trên với Nguyễn Hữu D, sinh năm 1985, trú tại Mai Đoài, Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội để vay số tiền 21.000.000đ thì được anh Đ đồng ý. Toàn bộ số tiền vay của anh Kh và anh D thì T đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 14/3/2024, T nhờ anh D trả lại anh Đức chiếc xe ô tô và xin khất nợ số tiền 21.000.000đ thì được anh D đồng ý, cùng ngày anh D đã trả chiếc xe trên cho anh Đ.

Ngày 24/3/2024, không thấy T trả lại xe nên Kh đến Công an huyện Sóc Sơn trình báo sự việc. Ngày 26/3/2024, Lương Văn T đến Công an huyện Sóc Sơn đầu thú.

Ngày 06/5/2024, Cơ quan CSĐT – Công an quận Cầu Giấy có văn bản phiếu chuyển đơn số 3522/PC-CQĐT-ĐTTH chuyển đơn tố giác của anh Nguyễn Văn Khôi, kèm theo tài liệu có liên quan đến Cơ quan CSĐT – Công an huyện Sóc Sơn giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 67 ngày 29/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sóc Sơn, định giá kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 99E1 – 644.34, số khung RLHJK 1406NZ225489, số máy JK14E0063725, **có trị giá 38.776.800đ.**

Tại kết luận giám định số 2296 ngày 11/4/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an giám định kết luận: **Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn mày số 99009222 mang tên Nguyễn Văn Kh ngày 07/9/2022 là giả**.

Vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ của Trịnh Văn S 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn mày số 99009222 mang tên Nguyễn Văn Kh ngày 07/9/2022 giả; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 99E1 – 644.34.

Qúa trình điều tra làm rõ, ngày 02/5/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Văn Kh là chủ sở hữu.

Đối với hành vi thuê xe ô tô MG5 BKS 30L – 240.97 của anh Thái Việt Đ, T đã được anh Đ đồng ý cho sử dụng xe để vay tiền của Nguyễn Hữu D. Hiện nay, anh Đ đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác. Do vậy đây là quan hệ dân sự nên không có căn cứ xử lý đối với T.

Đối với Trịnh Văn S, khi cầm cố xe của T do T nói dối là mua của bạn chưa sang tên, S không biết chiếc xe do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý về hình sự. Qúa trình điều tra, Trịnh Văn S, Nguyễn Hữu D không thừa nhận việc cầm cố xe của Lương Văn T và xác định chỉ cho T vay tiền không lấy lãi và T có để lại xe để làm tin. Ngoài lời khai của T không có chứng cứ nào khác chứng minh S, D cầm cố tài sản không có giấy phép đăng ký kinh doanh nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý về hành chính.

Đối với Nguyễn Thị Kiều D, quá trình điều tra xác định D không biết hành vi của T thuê xe của Kh để đi cầm cố, đối với số tiền 20.000.000đ Sáng chuyển khoản, D đã rút ra đưa lại toàn bộ cho T. Do vậy, không có căn cứ xử lý hình sự.

Đối với tài khoản Facebook, T liên hệ làm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả. Do T xóa tin nhắn và không nhớ cụ thể nên không có căn cứ điều tra, xác minh làm rõ.

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Văn Kh đã nhận xe chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 99E1 – 644.34 và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Đối với số tiền 35.000.000đ cho Tuấn vay thì đã nhận lại 20.000.0000đ, còn 15.000.000đ yêu cầu Tuấn trả nốt.

- Anh Thái Việt Đ đã nhận lại chiếc xe ô tô MG5 BKS 30L – 240.97 và không có yêu cầu Tuấn bồi thường gì khác.

- Anh Trịnh Văn Sáng yêu cầu T phải trả lại số tiền cho vay là 25.000.000đ.

- Anh Nguyễn Hữu D đã nhận lại số tiền 11.000.000đ và yêu cầu Tuấn trả nốt số tiền còn lại là 10.000.000đ.

Quá trình điều tra, Lương Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung trên.

Tại bản cáo trạng số 121/CT-VKS ngày 22 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố Lương Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng và khai nhận toàn bộ hành vi của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội đối với bị cáo đề nghị: Áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Lương Văn Tuấn từ 21 đến 24 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", xử phạt từ 24 đến 30 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt của hai tội từ 45 đến 54 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi hoàn cho Trịnh Văn S 20.000.000đ; đối với yêu cầu bồi hoàn của Nguyễn Văn Kh 15.000.000đ và Nguyễn Hữu D 10.000.000đ, đây là quan hệ dân sự không giải quyết trong vụ án này, nếu có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định.

Bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không có ý kiến tranh luận gì khác. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên toà bị cáo, bị hại không có ý kiến, không khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2]- Về hành vi của bị cáo:

Tại phiên toà, bị cáo Lương Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Khoảng cuối tháng 01/2024, Lương Văn T thông qua mạng xã hội Facebook đã thuê một người không quen biết làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 99009222 BKS 99E1 – 644.34 mang tên Nguyễn Văn Kh ngày 07/9/2022, với mục đích thuê xe mô tô Honda Airblade BKS 99E1 – 644.34 của anh Nguyễn Văn Khôi đem đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. Ngày 15/2/2024, sau khi làm giả được giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, Tuấn đã đến gặp anh Kh thuê chiếc xe mô tô Honda Airblade BKS 99E1 – 644.34 và đem chiếc xe mô tô cùng đăng ký xe mô tô giả cầm cố cho Trịnh Văn S được 20.000.000đ. Sau khi cầm cố xe Tuấn đã chi tiêu cá nhân hết số tiền. Trị giá chiếc xe mô tô Honda Airblade BKS 99E1 – 644.34 được Hội đồng định giá xác định trị giá **38.776.800đ**.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lương Văn T phạm 02 tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Cụ thể điều luật quy định:

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Điều 341. Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

d. Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.

Hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an ninh trật tự và an toàn trong xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến việc quản lý, sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức; đặc biệt hiện nay tình trạng thông qua mạng xã hội thuê làm giả các loại giấy tờ, tài liệu của cơ quan nhà nước diễn ra rất phổ biến và khó bị phát hiện xử lý. Trong vụ án này

bị cáo nhận thức rất rõ việc thuê xe của anh Kh đi cầm cố không có giấy tờ thì sẽ được số tiền thấp hơn, nếu có giấy tờ thì cầm cố sẽ được số tiền cao hơn, do vậy bị cáo đã chủ động lên mạng xã hội Facebook thuê người làm giả giấy tờ đăng ký và đem chiếc xe mô tô Honda Airblade BKS 99E1 – 644.34 thuê của anh Kh cùng giấy tờ giả đem cầm cố cho Trịnh Văn S được số tiền 20.000.000đ tiêu sài cá nhân. Vì vậy cần xử phạt nghiêm, áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng chống tội phạm trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra sau khi phạm tội bị cáo đã đến đầu thú tại cơ quan điều tra Công an huyện Sóc Sơn và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, người bị hại tại phiên tòa xin giảm nhẹ cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về nhân thân là người có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

[3]. **Trách nhiệm dân sự**:

Đối với Trịnh Văn S yêu cầu bị cáo Lương Văn T trả lại 25.000.000đ cho T vay không lấy lãi, và xác định Tuấn để lại chiếc xe mô tô Honda Airblade BKS 99E1 – 644.34 để làm tin, không phải cầm cố chiếc xe trên cho T. Xét thấy ngày 15/2/2024, T đem chiếc xe mô tô Honda Airblade BKS 99E1 – 644.34 thì Trịnh Văn S đưa cho T số tiền 20.000.000đ, còn trước đó ngày 14/2/2024 Tn đem chiếc xe Wave của Tuấn đến thì Trịnh Văn S đưa cho Tuấn 10.000.000đ đây là quan hệ giao dịch khác. Do vậy, buộc T có trách nhiệm hoàn trả cho Trịnh Văn S số tiền 20.000.000đ là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Văn Kh cho T vay số tiền 35.000.000đ để thuê xe ô tô MG5 BKS 30L – 240.97 của anh Thái Việt Đ và xác định việc cho T vay là tự nguyện không lấy lãi, hiện nay gia đình bị cáo đã trả 20.000.000đ, còn lại 15.000.000đ anh Kh yêu cầu bị cáo trả lại; và đối với số tiền 21.000.000đ bị cáo cầm chiếc xe ô tô MG5 BKS 30L – 240.97 cho Nguyễn Hữu D, hiện nay Nguyễn Hữu D đã nhận lại 11.000.000đ còn lại 10.000.000đ yêu cầu Lương Văn T trả lại. Xét thấy việc Nguyễn Văn Kh cho Lương Văn T vay 35.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi vay tiền của Kh, T đã thuê xe ô tô MG5 BKS 30L – 240.97 của anh Thái Việt

Đ và cầm cố chiếc xe ô tô cho Nguyễn Hữu D, anh Đ cũng đồng ý để Tuấn cầm cố chiếc xe ô tô cho Nguyễn Hữu D, hiện nay anh Thái Việt Đ đã nhận lại chiếc xe ô tô MG5 BKS 30L – 240.97 và không có ý kiến đề nghị gì, đối với Nguyễn Hữu D xác định cho T vay tiền không lấy lãi và T để lại xe ô tô làm tin. Do vậy, việc Kh và D cho T vay tiền là quan hệ dân sự và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp nếu Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Hữu D có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[4]. **Về án phí**: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn T phạm 02 tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lương Văn T 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", và 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 48 (*Bốn mươi tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2024.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi hoàn lại cho Trịnh Văn S số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn đề nghị thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lương Văn T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) tiền án phí dân sự trong án hình sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Minh Đăng

Nơi nhận:
- *VKS Sóc Sơn;*
- *Công an Sóc Sơn;*
- *Chi cục THA Sóc Sơn;*
- *PC54 CA Hà Nội;*
- *Bị cáo, người liên quan;*
- *Lưu HS, VP.*